BIWASE

CÔNG TY CP -TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - Phường Thủ Dầu Một - TP. Hồ Chí Minh
ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522
Website: www.biwase.com.vn Email: ptnctnmtbd@gmail.com

VILAS 817

BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: **NC 03/15.04.2026**

Ngày phát hành kết quả: 20/04/2026

- Tên khách hàng: **Công ty TNHH MTV Nước Biwase Bình Phước**
- Tên mẫu: Nước sau xử lý
- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai.
- Ngày nhận mẫu 15/04/2026 Ngày phân tích: 15/04/2026
- Tình trạng mẫu: Mẫu chứa trong bình 2L và chai thủy tinh khử trùng 500mL, nước trong, không màu.

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	*Coliform tổng số**	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
2	*E. coli**	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
3	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	SMEWW 3114-B:2023	≤ 0,01	KPH (LOD: 0,0002 mg/L)
4	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0,2 – 1,0	0,3
5	Độ đục*	NTU	SMEWW 2130-B:2023	≤ 2	0,13
6	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	0
7	Mùi	-	Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,45
9	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	HACH Method 8038	≤ 1	0,05
10	Permanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	0,32
11	Clorua (Chloride) (Cl^-)*	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 250	9
12	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	HACH Method 8506+8026	≤ 1	0,02
13	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	mg/L	SMEWW 2340-C:2023	≤ 300	20
14	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	HACH Method 8009	≤ 2	0,02
15	Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	≤ 0,1	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
16	Nhôm (Aluminium) (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	≤ 0,2	0,08

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
17	Nitrate (NO_3^- tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 11	0,36
18	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178:1996	≤ 0,9	KPH (LOD: 0,01 mg/L)
19	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	HACH Method 8008	≤ 0,3	0,02
20	Sulfat (Sulfate) (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4500-E:2023	≤ 250	4,49
21	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	Đầu dò cảm biến	≤ 1000	54

*** Ghi chú:**

+ QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
+ KPH: Không phát hiện.
+ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
+ Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
+ (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng

Trần Thanh Trúc

Giám Đốc

TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mai Thị Đẹp